

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN NHƯ TUẤN

**PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI,  
QUA THỰC TIỄN THI HÀNH TẠI  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 838 01 07

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018

Công trình được hoàn thành tại:

**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Vũ Thị Duyên Thủy**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp  
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài .....	1
2. Tình hình nghiên cứu .....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu .....	5
6. Những đóng góp mới của luận văn.....	6
7. Kết cấu của luận văn .....	6
<b>NỘI DUNG</b> .....	<b>7</b>
<b>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI VÀ PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI</b> .....	<b>7</b>
1.1. Những vấn đề lý luận về kiểm soát nước thải .....	7
1.1.1. Quan niệm về nước thải .....	7
1.1.2. Quan niệm về kiểm soát nước thải .....	9
1.2. Những vấn đề lý luận về pháp luật kiểm soát nước thải .....	9
1.2.1. Khái niệm và nội dung điều chỉnh của pháp luật về kiểm soát nước thải.....	9
1.2.2. Vai trò của pháp luật về kiểm soát nước thải .....	10
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1</b> .....	<b>11</b>
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG</b> .....	<b>11</b>
2.1. Thực trạng pháp luật về kiểm soát nước thải.....	11
2.1.1. Thực trạng các quy định pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường do nước thải.....	11
2.1.1.1. Các quy định về đánh giá tác động môi trường.....	11
2.1.1.2. Các quy định về việc xả nước thải vào nguồn nước.....	12
2.1.1.3. Các quy định về thu gom, xử lý nước thải.....	12
2.1.2. Thực trạng quy định pháp luật về khắc phục ô nhiễm môi trường do nước thải.....	13
2.1.3. Thực trạng các quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát nước thải .....	13
2.1.3.1. Các quy định về thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về kiểm soát nước thải .....	13
2.1.3.2. Các quy định về xử lý vi phạm pháp luật kiểm soát nước thải....	14
2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật kiểm soát nước thải tại thành phố Đà Nẵng .....	14

2.2.1. Điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội thành phố Đà Nẵng .....	14
2.2.1.1. Điều kiện tự nhiên .....	14
2.2.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội .....	14
2.2.2. Thực trạng ô nhiễm môi trường do nước thải tại Đà Nẵng .....	14
2.2.3. Thực tiễn thi hành pháp luật kiểm soát nước thải tại thành phố Đà Nẵng.....	15
2.2.3.1. Thực tiễn thi hành các quy định pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường do nước thải tại thành phố Đà Nẵng .....	15
2.2.3.2. Thực tiễn thi hành các quy định pháp luật về khắc phục ô nhiễm môi trường đối với nguồn nước thải tại Đà Nẵng.....	16
2.2.3.3. Thực tiễn thi hành các quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về kiểm soát nước thải tại thành phố Đà Nẵng .....	16
2.2.3.4. Thực tiễn thi hành các quy định về xử lý vi phạm ô nhiễm môi trường do nước thải tại thành phố Đà Nẵng.....	16
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>	<b>17</b>
<b>Chương 3. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI .....</b>	<b>17</b>
3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về kiểm soát nước thải.....	17
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát nước thải phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc của Luật Môi trường .....	17
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường trong lĩnh vực kiểm soát nước thải đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật quốc gia .....	18
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát nước thải phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế toàn cầu và hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường .....	18
3.2. Các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về kiểm soát nước thải .....	18
3.2.1. Hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật đánh giá tác động môi trường .....	18
3.2.2. Hoàn thiện quy định pháp luật trong hoạt động vận hành hệ thống xả nước thải.....	19
3.2.3. Hoàn thiện các quy định về các quy định về thu gom, xử lý nước thải .....	19
3.2.4. Hoàn thiện quy định pháp luật về khắc phục ô nhiễm môi trường đối với nguồn nước thải.....	19

3.2.5. Hoàn thiện quy định pháp luật về hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát .....	20
3.2.6. Hoàn thiện các quy định về khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước và hành vi pha loãng nước thải .....	20
3.3. Các giải pháp khác hoàn thiện hệ thống pháp luật .....	20
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3</b> .....	<b>21</b>
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>22</b>



## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế toàn cầu. Chủ trương của Đảng và Nhà nước là kêu gọi đầu tư nước ngoài, chú trọng phát triển công nghiệp đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, những năm gần đây công tác KSNT tại các thành phố lớn là một vấn đề nan giải chưa được giải quyết triệt để; một số nơi công tác BVMT chưa được thực hiện đồng bộ, nhiều nơi chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung. Điều này dẫn đến hệ quả tất yếu là tình trạng Ô nhiễm môi trường trầm trọng quanh khu vực bị xả thải.

Ô nhiễm nguồn nước tác động tiêu cực nên tất cả mọi mặt của đời sống xã hội, cả về mặt kinh tế, xã hội và chính trị. Hơn nữa, xả nước thải chưa qua xử lý còn tác động đến các ngành sản xuất khác, ảnh hưởng đến ngành du lịch quốc gia – một trong những ngành kinh tế mũi nhọn được ưu tiên phát triển, làm xấu đi hình ảnh của quốc gia và khiến cho nền kinh tế của Việt Nam kém hấp dẫn trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài. Về mặt xã hội, nguồn nước ô nhiễm này còn làm ảnh hưởng đến sức khỏe, chất lượng sống của người dân. Nước thải không được xử lý tác động tiêu cực đến toàn bộ đời sống xã hội của con người. Do đó, vấn đề KSNT và xử lý nước thải nhằm BVMT hiện nay cần được đặc biệt quan tâm.

Ở Việt Nam, trong những năm vừa qua, Đảng, Nhà nước và toàn xã hội cũng dành sự quan tâm lớn cho môi trường, đặc biệt chú trọng đến công tác quản lý và xử lý nước thải. Từ năm 2004, Bộ chính trị ban hành Nghị Quyết số 41-NQ/TW năm 2004 về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo đó, Nghị Quyết chỉ ra việc “*Chất lượng các nguồn nước suy giảm mạnh*” để từ đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, giải pháp và công tác tổ chức thực hiện quản lý, giám sát, xử lý nguồn nước thải. Theo sau Nghị Quyết số 41-NQ/TW, Luật BVMT 2005 được ban hành kèm các văn bản hướng dẫn thi hành. Từ đó đến nay, tình hình kinh tế xã hội có nhiều biến động, để đảm bảo chính sách pháp luật luôn theo sát, phù hợp với thực tiễn, Nhà nước ban hành Luật BVMT 2014 điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường. Hệ thống văn bản pháp luật lĩnh vực môi trường khá nhiều nhưng văn bản điều chỉnh hoạt động trong lĩnh vực quản lý, xử lý nước thải còn hạn chế. Bên cạnh đó, những quy định Quy chuẩn, tiêu chuẩn về nước thải

chưa được các tổ chức, cá nhân có liên quan quan tâm, nghiêm túc thực hiện một phần bởi ý thức của các tổ chức, cá nhân đối với lĩnh vực này còn chưa cao.

Đà Nẵng là một trong năm thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam, là trung tâm kinh tế chính trị của khu vực Miền trung và Tây nguyên. Chính quyền và người dân Đà Nẵng đã có những biện pháp để KSNT và sự ô nhiễm nước thải tại thành phố. Tuy nhiên công tác KSNT còn mang tính vận động, phong trào chưa có những quy định chặt chẽ về pháp luật. Vì những tồn tại trên và mong muốn được đóng góp vào công cuộc BVMT, phát triển kinh tế đất nước nói chung và của thành phố Đà Nẵng nói riêng; đảm bảo phát triển bền vững cho các thế hệ sau, tác giả quyết định chọn đề tài: **“Pháp luật về kiểm soát nước thải, qua thực tiễn thi hành tại thành phố Đà Nẵng”** làm luận văn thạc sĩ của mình

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Ở Việt Nam, kiểm soát ô nhiễm môi trường nước nhìn chung ít được đề cập một cách trực tiếp. Có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ hoặc các đề tài nghiên cứu như là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan chuyên môn về vấn đề này được thực hiện khá công phu. Bên cạnh đó, một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ đã được thực hiện nhằm bảo tồn tài nguyên biển, có liên quan tới kiểm soát ô nhiễm môi trường nước như: Đề tài “Chiến lược bảo vệ môi trường thủy sản Việt Nam giai đoạn 2001-2010; Đề tài “Nghiên cứu xây dựng chiến lược khai thác hải sản Việt Nam đến năm 2010” do Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản thực hiện năm 2003; Đề tài “Hoàn chỉnh qui hoạch và qui chế quản lí khu bảo tồn nước Việt Nam đến năm 2010” do Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản thực hiện năm 2003...

Nhìn chung, những đề tài trong nước nêu trên đã nghiên cứu về các hoạt động liên quan đến tài nguyên biển, đặc biệt là nguồn lợi thủy sản, như khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nuôi trồng nguồn lợi thủy sản, ngư cụ trong các hoạt động thủy sản hoặc ứng dụng công nghệ mới trong các hoạt động thủy sản. Những đề tài này không đề cập trực tiếp đến kiểm soát ô nhiễm môi trường nước từ hoạt động hàng hải mà liên quan đến việc bảo vệ các nguồn tài nguyên biển, làm cơ sở cho phát triển bền vững môi trường nước. Hoặc cũng có những đề tài thực hiện về lĩnh vực hàng hải nhưng chỉ là kiểm soát ô nhiễm môi trường nước từ những góc độ tiếp cận hẹp, đưa ra các



giải pháp về khoa học kỹ thuật chứ không mang tính pháp lí. Những đề tài này ít nhiều có liên quan và làm cơ sở cho việc kiểm soát ô nhiễm môi trường nước thải hiện nay.

Pháp luật về bảo vệ môi trường nước, kiểm soát ô nhiễm môi trường nước và bảo vệ tài nguyên biển cũng đã được nghiên cứu ở cấp độ các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành như: Hiệp định phân định vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc bộ giữa Việt Nam - Trung Quốc của tác giả Nguyễn Hồng Thao trong tạp chí Quốc Phòng toàn dân số tháng 2/2001; Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường nước ở Việt Nam của ThS Lưu Ngọc Tố Tâm trên tạp chí Tòa án nhân dân số 10, tháng 5/2006...

Nghiên cứu ở cấp độ Thạc sĩ Luật học, tác giả Đặng Hoàng Sơn đã hoàn thành Luận văn với đề tài “Pháp luật về ô nhiễm môi trường trong hoạt động dầu khí ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, Hà Nội 2004;

Võ Trung Tín (2008), “Pháp luật về đánh giá tác động môi trường Việt Nam – Thực trạng và hướng hoàn thiện” Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật TP Hồ Chí Minh;

Nguyễn Thanh Tú (2010), “Pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải ở Việt Nam”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội;

Bùi Kim Hiếu (2010) “Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra ở Việt Nam hiện nay” Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội;

Nguyễn Minh Đường (2013) “Pháp luật về quản lý nước thải công nghiệp ở Việt Nam hiện nay”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội;

Trần Minh Đức (2006), “Pháp luật về quản lý chất thải ở Việt Nam”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội;

Hồ Quốc Văn (2014) “Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động của các khu công nghiệp - Thực tiễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Huế.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay có một số các công trình nghiên cứu khoa học pháp lý liên quan đến quy định pháp luật về KSNT. Điểm chung của các công trình nghiên cứu trên là tập trung đề cập đến vấn đề môi trường từ khía cạnh pháp lý, trong đó ở nhiều góc độ khác nhau, người nghiên cứu cũng đã đề cập đến vấn đề pháp luật về KSNT. Đến nay, Luật BVMT 2014 đã được ban hành thay thế Luật

BVMT 2005, pháp luật về Bảo vệ môi trường nói chung và pháp luật về KSNT nói riêng đã thay đổi rất nhiều nên cần có công trình nghiên cứu mới bổ sung.

Bởi vậy, có thể khẳng định: Đề tài “*Pháp luật về kiểm soát nước thải qua thực tiễn thi hành tại thành phố Đà Nẵng*” là đề tài còn mới cần được đi sâu tìm hiểu.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Công trình nghiên cứu được thực hiện nhằm làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về KSNT ở Việt Nam hiện nay nhất là trong giai đoạn Luật BVMT 2014 được ban hành cho đến nay; qua đó đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả các quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác thực thi, tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực này tại thành phố Đà Nẵng.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đảm bảo đạt được những mục đích nghiên cứu như trên, luận văn cần nghiên cứu các vấn đề sau:

- Nghiên cứu những quan điểm luận điểm khoa học về KSNT, hoạt động của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực KSNT, các phương thức quản lý trong lĩnh vực KSNT, quy định pháp luật Việt Nam về KSNT;

- Nghiên cứu đánh giá toàn diện quy định pháp luật về KSNT cũng như thực tiễn áp dụng chúng để tìm ra những tồn tại, vướng mắc của hệ thống pháp luật;

- Nghiên cứu tình hình KSNT, nguyên nhân, hậu quả của tình trạng xả nước thải không đúng quy định của nhà nước;

- Đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực KSNT.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Hệ thống pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực KSNT.

- Thực tiễn triển khai, thực hiện áp dụng pháp luật về KSNT ở Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng hiện nay.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

KSNT là vấn đề tương đối phức tạp, để đảm bảo hoạt động KSNT đúng quy định của pháp luật đòi hỏi phải có sự tham gia góp sức của nhiều ngành, nhiều cơ quan, nhiều tổ chức cá nhân trong và ngoài nước. Việc vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nước thải diễn biến ngày

càng tinh vi, phức tạp với số lượng vụ việc vi phạm, mức độ nghiêm trọng của hành vi ngày càng gia tăng đáng kể. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, muốn khắc phục cần áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp bao gồm cả các vấn đề về khoa học công nghệ, quan điểm và ý thức cộng đồng, tâm lý, trình độ nhận thức chung của xã hội... Tuy nhiên, theo phạm vi của ngành luật học, trong luận văn này tác giả chỉ đi sâu tìm hiểu nghiên cứu khía cạnh pháp lý về KSNT ở Việt Nam và thực tiễn thi hành tại thành phố Đà Nẵng hiện nay.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### ***5.1. Phương pháp luận nghiên cứu***

Luận văn được trình bày trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật; Trên cơ sở đường lối và chính sách của Đảng Cộng Sản Việt Nam phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong thời kỳ đổi mới kết hợp BVMT và phát triển bền vững.

### ***5.2. Phương pháp nghiên cứu***

Nội dung luận văn ngoài phần mở đầu và phần lý luận chung ra thì còn lại chủ yếu được nêu và phân tích trên các văn bản pháp luật, các văn bản hướng dẫn thống kê tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật về KSNT ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật, các số liệu,...

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, tập chung chủ yếu ở Chương 2 của luận văn.

- Phương pháp diễn giải quy nạp: Được sử dụng trong luận văn để diễn giải các số liệu, các nội dung trích dẫn liên quan và được sử dụng tất cả các chương của luận văn.

Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu để giải quyết các nhiệm vụ mà đề tài đặt ra, tác giả đã sử dụng biện pháp duy vật biện chứng kết hợp với duy vật lịch sử trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

## **6. Những đóng góp mới của luận văn**

Trong khuôn khổ một luận văn thạc sĩ làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường do nước thải, các quy định về khắc phục ô nhiễm môi trường do nước thải...Phân tích, đánh giá pháp luật hiện hành thông qua phân tích những điểm mới và chỉ ra những điểm còn chưa hợp lý và đưa ra các nhận định hợp lý và chưa hợp lý để là cơ sở hoàn thiện pháp luật.

Đưa ra những nhận định thông qua việc áp dụng pháp luật về KSNT tại Việt Nam để làm cơ sở hoàn thiện pháp luật.

Đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về KSNT tại Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn áp dụng tại thành phố Đà Nẵng.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài mục lục, danh mục các từ viết tắt, lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo luận văn được kết cấu 03 chương với nội dung chính là:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về kiểm soát nước thải và pháp luật về kiểm soát nước thải

Chương 2: Thực trạng pháp luật về kiểm soát nước thải ở Việt Nam và thực tiễn thi hành pháp luật về kiểm soát nước thải tại thành phố Đà Nẵng hiện nay

Chương 3: Các giải pháp hoàn thiện pháp luật kiểm soát nước thải và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát nước thải

**NỘI DUNG**  
**Chương 1**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI**  
**VÀ PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI**

**1.1. Những vấn đề lý luận về kiểm soát nước thải**

**1.1.1. Quan niệm về nước thải**

**\* Chất thải**

Dưới những góc độ khác nhau, người ta đưa ra những định nghĩa khác nhau về chất thải. Tuy nhiên, hiểu theo cách chung nhất thì chất thải là: “*Những vật và chất mà người dùng không còn muốn sử dụng và thải ra, tuy nhiên trong một số trường hợp nó có thể là không có ý nghĩa với người này nhưng lại là lợi ích của người khác*”<sup>1</sup>. Như vậy, chất thải là những vật và chất được thải ra trong quá trình sử dụng của con người. Chất thải có thể là những vật và chất không còn sử dụng được, có thể vẫn còn sử dụng được nhưng chủ sở hữu không có nhu cầu sử dụng chúng. Luật BVMT 2005 giải thích tại khoản 10, Điều 3: “*Chất thải là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác*” Luật BVMT 2014 cũng đưa ra khái niệm về chất thải, theo đó “*Chất thải là vật chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác*” (Khoản 12 Điều 3 Luật BVMT2014).

Dựa vào các tiêu chí khác nhau người ta đưa ra các cách phân loại khác nhau. Nếu căn cứ vào đặc tính vật lý của chất thải người ta chia chất thải thành chất thải rắn, nước thải, khí thải. Nếu căn cứ vào nguồn phát sinh chất thải người ta chia chất thải thành chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải y tế... Nếu căn cứ vào đặc tính hóa học của của chất thải người ta phân chất thải thành chất thải thông thường và chất thải nguy hại.

**\* Nước thải**

Nước thải là một dạng của chất thải do đó nước thải là chất thải ở thể lỏng được tạo ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác. Cụ thể trong TCVN 5980-1995 và ISO 6107/1-1980 tại Mục 1.2 Điều 2, Phần 1 – Chất lượng nước, Thuật ngữ: “*Nước thải là nước đã được thải ra sau khi sử dụng hoặc được tạo ra trong một*

---

<sup>1</sup> Jimmy Wales và Larry Sange, Chất thải, web: wikipedia.org.

*quá trình công nghệ và không còn giá trị trực tiếp với quá trình đó*". Đến năm 2009 trong bản Tiêu chuẩn Việt Nam 8184:2009 (theo mục 1.2.1 Chất lượng nước. Thuật ngữ - Phần 1) TCVN 8184:2009 nước thải được định nghĩa như sau: *"Nước thải là nước đã được thải ra từ sau khi sử dụng hoặc được tạo ra trong quá trình công nghệ và không còn giá trị trực tiếp đối với quá trình đó"*. Tuy nhiên, phải đến năm 2014 khi Nghị định 80/2014 quy định về thoát nước và xử lý nước thải được ban hành thì khái niệm về nước thải mới được lần đầu tiên ghi nhận chính thức trong luật. Theo đó, nước thải là *"Nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do các hoạt động của con người xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường"* (Khoản 7 Điều 2 Nghị định 80/2014).

Người ta phân loại nước thải thành theo nhiều cách khác nhau. Cách phân loại phổ biến và được sử dụng rộng rãi nhất là dựa trên nguồn gốc phát sinh của nước thải. Theo đó, nước thải bao gồm: nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước thải tự nhiên, nước thải đô thị.

#### **\* Tác động tiêu cực của nước thải đến môi trường và con người**

Không giống như chất thải rắn, nước thải có đặc trưng là lan truyền nhanh trên một vùng rộng lớn. Nước thải làm ô nhiễm nguồn nước, khi mà lượng nước này chưa qua xử lý đổ ra các con sông, làm cho nước sông đổi màu và gây ra mùi khó chịu trong không khí. *"Các hợp chất hữu cơ, vô cơ độc hại trong nước thải thông qua vòng tuần hoàn nước, theo hơi nước vào không khí làm cho mật độ bụi bẩn trong không khí tăng lên. Không những vậy, các hơi nước này còn là giá bám cho các vi sinh vật và các loại khí bẩn công nghiệp độc hại khác. Một số chất khí được hình thành do quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ trong Nước thải Công nghiệp như SO<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>, CO,... ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường khí quyển và con người"*<sup>2</sup>

Không chỉ làm ô nhiễm không khí, nước thải nói chung và đặc biệt nước thải công nghiệp nói riêng chứa nhiều chất gây ô nhiễm nên khi ngấm vào đất sẽ làm thay đổi chất lượng đất, ảnh hưởng nguy hại tới các vi sinh vật sống trong đất, giảm năng suất cây lương thực, ảnh hưởng trực tiếp tới sản lượng hoa màu của ngành nông nghiệp cũng như sản lượng nuôi trồng thủy sản.

---

<sup>2</sup> Trường đại học Luật Hà Nội (2014), Giáo trình Luật Môi Trường, Nxb Công an nhân dân 2014

### ***1.1.2. Quan niệm về kiểm soát nước thải***

Kiểm soát ô nhiễm môi trường nói chung và kiểm soát nước thải nói riêng là sự tổng hợp các hoạt động, hành động, biện pháp và công cụ nhằm phòng ngừa, khống chế không cho sự ô nhiễm xảy ra, hoặc khi có sự ô nhiễm xảy ra thì có thể chủ động xử lý, làm giảm thiểu hay loại trừ được nó. Do vậy, cần kiểm soát chặt chẽ việc xả nước thải vào nguồn nước để đảm bảo phù hợp với khả năng chịu tải cũng như khả năng tự làm sạch của nguồn nước tiếp nhận. Bởi chỉ có như vậy mới đảm bảo việc bảo vệ chất lượng nguồn nước lâu dài, phục vụ phát triển kinh tế xã hội bền vững.

## **1.2. Những vấn đề lý luận về pháp luật kiểm soát nước thải**

### ***1.2.1. Khái niệm và nội dung điều chỉnh của pháp luật về kiểm soát nước thải***

Pháp luật về KSNT là một bộ phận của hệ thống pháp luật môi trường, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, tham gia điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan trực tiếp đến hoạt động KSNT để thực hiện các giải pháp đồng bộ về phòng ngừa ô nhiễm nước thải và khắc phục hậu quả của ô nhiễm nước thải với mục đích ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

Trong đó, đối tượng điều chỉnh của pháp luật KSNT gồm các nhóm quan hệ: Nhóm quan hệ giữa doanh nghiệp với nhau, nhóm quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước với tổ chức, cá nhân và nhóm quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước với nhau.

Pháp luật về KSNT gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động của các tổ chức, cá nhân và hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực KSNT, bao gồm các nội dung sau:

**\* Các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường do nước thải. Các quy định này điều chỉnh một số vấn đề cơ bản sau:**

- Quy định về đánh giá tác động môi trường
- Quy định pháp luật về việc xả nước thải vào nguồn nước
- Quy định pháp luật về thu gom, xử lý nước thải

**\* Các quy định pháp luật về khắc phục ô nhiễm môi trường do nước thải**

Pháp luật về khắc phục ô nhiễm môi trường do nước thải được thực hiện theo nguyên tắc ai gây ô nhiễm, người đó phải trả tiền, phải khắc phục ô nhiễm, có nghĩa là chủ thể gây hậu quả, tác động xấu đến

môi trường, thì phải trả tiền để mua quyền khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường. Những người gây ô nhiễm phải chịu các chi phí thực hiện các biện pháp kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm được quy định bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm đảm bảo môi trường trong trạng thái chấp nhận được. Hình thức trả tiền cho hành vi gây ô nhiễm có thể là thuế tài nguyên, thuế môi trường, phí bảo vệ môi trường hay chi phí sử dụng dịch vụ khác. Ngoài ra, hình thức trả tiền cho hành vi gây ô nhiễm cũng có thể là chi phí phục hồi môi trường do tác động của việc xả thải vào nguồn nước.

**\* Các quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát nước thải**

Việc kiểm tra mức độ xả thải, mức độ ô nhiễm môi trường do nước thải gây ra thường xuyên để đánh giá những hậu quả và đưa ra những phương án phòng chống cũng như khắc phục hết sức quan trọng đối với phát triển bền vững và an sinh xã hội. Quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra, giám sát là các quy định điều chỉnh trình tự, thủ tục để tiến hành các hoạt động này, quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia vào quan hệ thanh tra, kiểm tra, giám sát. Trong đó bao gồm trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan nhà nước và nghĩa vụ, quyền của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**1.2.2. Vai trò của pháp luật về kiểm soát nước thải**

Pháp luật về KSNT đóng một vai trò rất quan trọng đối với xã hội. Là một bộ phận của hệ thống pháp luật môi trường, pháp luật về KSNT là công cụ phòng ngừa, phát hiện việc xả thải trái phép, xả thải không đảm bảo chất lượng, giữ gìn nguồn nước nói chung và môi trường nói riêng luôn nằm trong giới hạn an toàn đối với con người và sinh vật khác. Vai trò của pháp luật KSNT được thể hiện cụ thể:

- Thứ nhất, đây là cơ sở pháp lý quy định tiêu chuẩn, chuẩn mực cho hoạt động xử lý nước thải, được quy định trong tiêu chuẩn,
- Thứ hai, pháp luật KSNT là cơ sở pháp lý quy định nghĩa vụ, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong các hoạt động liên quan đến nước thải.
- Thứ ba, pháp luật KSNT là cơ sở pháp lý quy định quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể trong việc phòng ngừa ô nhiễm do nguồn nước thải.
- Thứ tư, pháp luật về KSNT có vai trò ngăn ngừa, răn đe, nâng cao ý thức BVMT thông qua quy định và chế tài xử lý vi phạm.
- Thứ năm, các quy phạm pháp luật về KSNT có vai trò đảm bảo công bằng xã hội.



## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Nước thải là một dạng của chất thải do đó nước thải là chất thải ở thể lỏng được tạo ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác. Nước thải không được xử lý hoặc xử lý không đúng quy định pháp luật gây ô nhiễm nghiêm trọng lên toàn bộ môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí, ảnh hưởng lớn đến kinh tế và sức khỏe của con người. Tình hình xử lý nước thải hiện nay chưa tốt do nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong khi đó, lượng hàm lượng chất độc hại trong nước thải nói chung là rất cao nếu không được xử lý hoặc xử lý không đảm bảo quy định, qua đó gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh và ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường sống của con người. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng KSNT yếu bởi ý thức, năng lực của các tổ chức, cá nhân còn hạn chế, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, cung ứng dịch vụ xử lý KSNT quy mô nhỏ, nhân lực cũng rất hạn chế. Đồng thời công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này còn chưa hiệu quả, thiếu đồng bộ.

Pháp luật về KSNT đóng vai trò rất quan trọng trong công tác BVMT. Pháp luật điều chỉnh 05 vấn đề bao gồm: Vấn đề đánh giá tác động môi trường; Vấn đề xả thải đối với nước thải vào nguồn nước; Vấn đề thu gom, xử lý nước thải; Vấn đề về khắc phục ô nhiễm môi trường do nước thải; Vấn đề thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát nước thải.

## Chương 2

### THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

#### 2.1. Thực trạng pháp luật về kiểm soát nước thải

##### 2.1.1. Thực trạng các quy định pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường do nước thải

###### 2.1.1.1. Các quy định về đánh giá tác động môi trường

Các quy định liên quan đến hoạt động ĐTM trong lĩnh vực nước thải hiện nay được điều chỉnh trong văn bản: Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ban hành ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh

giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT, ban hành ngày 29/05/2015, của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. Theo quy định pháp luật Việt Nam, ĐTM là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó (khoản 23, Điều 3, Luật Bảo vệ môi trường 2014).

Theo quy định của luật, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu xả nước thải vào môi trường có trách nhiệm lập báo cáo ĐTM trước khi tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng dự án. Nội dung báo cáo ĐTM trong lĩnh vực nước thải được quy định cụ thể tại Điều 22, Luật BVMT 2014. Theo đó, báo cáo phải thể hiện đầy đủ rõ ràng các nội dung theo quy định.

#### *2.1.1.2. Các quy định về việc xả nước thải vào nguồn nước*

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu xả thải đối với nước thải vào nguồn nước thì phải tiến hành thực hiện xin cấp phép xả thải vào nguồn nước. Cấp phép xả thải vào nguồn nước là việc các tổ chức, cá nhân có nhu cầu xả thải nộp hồ sơ xin phép xả thải lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan nhà nước căn cứ vào hồ sơ xin cấp phép của tổ chức, cá nhân và tình hình thực tế (hiện trạng xả thải và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước) để cho phép tổ chức, cá nhân được xả thải. Quá trình cấp phép phải đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các trường hợp tổ chức, cá nhân không phải xin cấp phép cho việc xả thải được quy định tại Khoản 3, Điều 16 Nghị định 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Hồ sơ xin cấp phép xả thải được quy định tại Điều 33 Nghị định 201/2013/NĐ-CP. Quá trình thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép phải đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP, phải tuân thủ nguyên tắc và căn cứ pháp luật theo Điều 18,19 Nghị định này.

#### *2.1.1.3. Các quy định về thu gom, xử lý nước thải*

Thu gom, xử lý nước thải là quá trình loại bỏ chất ô nhiễm ra khỏi nước thải như nước thải hộ gia đình, cơ quan, xí nghiệp, nhà máy sản xuất... Nó bao gồm các quá trình vật lý, hóa học, và sinh học để loại bỏ các chất ô nhiễm và sản xuất nước thải được xử lý an toàn với môi trường. Các quy định cụ thể về việc thu gom, xử lý nước thải được quy định tại Điều 100, Luật BVMT năm 2014. Ngoài ra, Điều 37 Nghị

định số 38/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về việc thu gom, xử lý nước thải.

### ***2.1.2. Thực trạng quy định pháp luật về khắc phục ô nhiễm môi trường do nước thải***

Phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường (SCMT) là một chế định quan trọng được quy định ở Mục 3, Chương X của Luật BVMT năm 2014. Tuy nhiên, qua thực tiễn về SCMT vừa qua cho thấy, các quy định và cơ chế về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục SCMT đều chưa phát huy hiệu quả do các quy định của Luật BVMT năm 2014 còn chưa cụ thể, chưa bao quát các biện pháp để phòng ngừa khắc phục sự cố môi trường.

Khi SCMT xảy ra, sẽ xuất hiện các loại thiệt hại. Theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, thì người gây SCMT phải gánh chịu toàn bộ hậu quả do hành vi của mình gây ra như bồi thường thiệt hại về môi trường, bồi thường thiệt hại về dân sự và khắc phục SCMT, hoặc phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, các quy định thực thi nguyên tắc này chưa được quy định đầy đủ, cụ thể trong Luật BVMT năm 2014, mà chỉ quy định mang tính nguyên tắc. Do đó, Luật BVMT năm 2014 cần bổ sung các quy định giải quyết thấu đáo các vấn đề trên. Như vậy, có thể thấy, trước yêu cầu BVMT trong tình hình mới thì việc sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2014 nói chung và các quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục SCMT đối với nước thải nói riêng được kỳ vọng là sẽ tạo chuyển biến lớn trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về BVMT, nhằm hướng tới mục tiêu tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường.

### ***2.1.3. Thực trạng các quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát nước thải***

#### ***2.1.3.1. Các quy định về thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về kiểm soát nước thải***

Tình trạng nước thải làm ô nhiễm nguồn nước như hiện nay bên cạnh ý thức năng lực của một bộ phận tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực KSNT yếu kém thì công tác quản lý lỏng lẻo, không hiệu quả, thiếu minh bạch đóng vai trò là nguyên nhân chính. Do đó, để nâng cao công tác BVMT thì cần nhìn nhận công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đúng với vai trò thực sự của nó. Việc thanh tra hoạt động liên quan đến lĩnh vực nước thải nói chung được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra 2010 và quy định của Luật BVMT 2014 cùng các văn bản pháp lý liên quan.

### *2.1.3.2. Các quy định về xử lý vi phạm pháp luật kiểm soát nước thải*

#### **\* Xử lý hành chính**

Hiện nay, những quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT đã được quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2017. Theo đó, các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về nước thải phải chịu một trong hai hình thức là: Cảnh cáo hoặc phạt tiền. vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường không nguy hại vào môi trường vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường theo quy định tại Điều 23 vi phạm các quy định ngoài chế tài phạt tiền, trong các điều luật trên còn kèm theo hình thức phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả như: Tước giấy phép môi trường, tạm thời đình chỉ hoạt động, buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra... Xử phạt vi phạm hành chính là hình thức xử lý vi phạm được sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực môi trường nói chung và lĩnh vực KSNT nói riêng.

#### **\* Xử lý hình sự**

Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2017, chủ thể phải chịu mức án tù từ 01 năm đến 07 năm hoặc phạt tiền từ 100 triệu đến 03 tỷ đồng khi thực hiện các hành vi vi phạm. Theo đó, người đứng đầu trực tiếp của tổ chức phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm pháp luật gây ô nhiễm môi trường của tổ chức mình, phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra. Nếu cá nhân gây ÔNMT do thực hiện nhiệm vụ của tổ chức giao thì tổ chức đó phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

## **2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật kiểm soát nước thải tại thành phố Đà Nẵng**

### ***2.2.1. Điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội thành phố Đà Nẵng***

#### ***2.2.1.1. Điều kiện tự nhiên***

#### ***2.2.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội***

### ***2.2.2. Thực trạng ô nhiễm môi trường do nước thải tại Đà Nẵng***

Thời gian gần đây, các bãi biển ở Đà Nẵng đã xuất hiện tình trạng ô nhiễm cục bộ tại các cửa xả ven biển... Nước thải đã được thải ra từ 41 cửa thải nước thải của thành phố trực tiếp ra biển, không chỉ gây ô nhiễm nguồn nước mà cả sự xói mòn hàng trăm mét khối cát. Nguyên nhân của tình trạng trên là do sự thiếu ý thức của người dân và các doanh nghiệp, một phần lớn do cơ sở hạ tầng xử lý nước thải đã xuống

cấp, chưa đáp ứng được quy định. Nhóm các chất hữu cơ, dinh dưỡng trong nước cũng sẽ gia tăng mạnh do sự phát triển của nông nghiệp (chăn nuôi) và sinh hoạt, du lịch.

### ***2.2.3. Thực tiễn thi hành pháp luật kiểm soát nước thải tại thành phố Đà Nẵng***

***2.2.3.1. Thực tiễn thi hành các quy định pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường do nước thải tại thành phố Đà Nẵng***

#### ***2.2.3.1.1. Thực tiễn thi hành các quy định về đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại thành phố Đà Nẵng***

Những năm qua chính quyền thành phố Đà Nẵng đã thiết lập các dự án đánh giá tác động của nước thải đến môi trường tại thành phố. Tuy nhiên công tác giám sát thực hiện đánh giá ĐTM tại Đà Nẵng còn yếu cả trong khâu trình lập, phê duyệt, xây dựng vận hành, thử nghiệm, vận hành chính thức và chấm dứt công tác. Việc rà soát lại các luật có liên quan đến đánh giá ĐTM, bổ sung quy định về chế độ trách nhiệm cho người đứng đầu tổ chức tư vấn và thành viên hội đồng đánh giá ĐTM còn chưa kỹ lưỡng.

#### ***2.2.3.1.2. Thực tiễn thi hành thực thi các quy định pháp luật về việc xả thải đối với nước thải tại thành phố Đà Nẵng***

Các tổ chức, cá nhân tại thành phố Đà Nẵng có nhu cầu xả thải đối với nước thải vào nguồn nước thì phải tiến hành thực hiện xin cấp phép xả thải vào nguồn nước. Thời gian qua tại Đà Nẵng, quá trình thực hiện xin cấp phép xả thải của các tổ chức, cá nhân gặp nhiều khó khăn: Đa phần các tổ chức, cá nhân còn e ngại với thủ tục hành chính về cấp phép xả thải bởi thủ tục cấp phép phức tạp, phải có kiến thức chuyên môn về môi trường mới lập được hồ sơ, đề án xả thải. Do vậy, các tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với công ty tư vấn lập hồ sơ cấp phép xả thải. Tuy nhiên, việc thông qua công ty tư vấn khiến chi phí xin cấp phép xả thải cao hơn so với mức phí theo quy định. Cùng đó, do năng lực, nhận thức của cán bộ được giao phụ trách công tác BVMT tại địa phương còn hạn chế dẫn đến chưa tư vấn được hết cho các tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, thủ tục cũng như thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường khiến cho các tổ chức, cá nhân vẫn mắc phải những vi phạm.

#### ***2.2.3.1.3. Thực tiễn thi hành các quy định về thu gom, xử lý nước thải tại thành phố Đà Nẵng***

Thu gom, xử lý nước thải là quá trình loại bỏ chất ô nhiễm ra khỏi nước thải như nước thải hộ gia đình, cơ quan, xí nghiệp, nhà máy

sản xuất... Hiện nay thành phố Đà Nẵng đang áp dụng các quy định cụ thể về việc thu gom, xử lý nước thải được quy định tại Luật BVMT năm 2014 và các văn bản khác có liên quan.

#### *2.2.3.2. Thực tiễn thi hành các quy định pháp luật về khắc phục ô nhiễm môi trường đối với nguồn nước thải tại Đà Nẵng*

Trong bối cảnh, các hoạt động canh tác nông nghiệp, chăn nuôi, sản xuất công nghiệp, khai khoáng và nước thải đô thị đã làm cho nước sông bị ô nhiễm. Vì vậy, nguồn nước ngầm đang đóng vai trò cực kỳ quan trọng để bổ sung nguồn cung cấp nước cho thành phố Đà Nẵng. Do vậy, để hạn chế việc khai thác nước ngầm tràn lan, thành phố cần đầu tư hệ thống mạng lưới cung cấp nước máy đảm bảo các yêu cầu về lưu lượng, chất lượng, ổn định và liên tục cho nhu cầu hiện tại và tương lai. Đồng thời cần tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở khai thác, sử dụng và các cơ sở cá nhân hành nghề khai thác nước ngầm, giám sát việc trám lấp các lỗ khoan không sử dụng theo đúng quy trình kỹ thuật. Xử phạt nghiêm khắc đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác, sử dụng tài nguyên nước ngầm theo quy định. Xây dựng kế hoạch sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước trên địa bàn thành phố.

#### *2.2.3.3. Thực tiễn thi hành các quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về kiểm soát nước thải tại thành phố Đà Nẵng*

UBND thành phố giao Sở TN-MT phối hợp với sở Tư pháp và các ban ngành liên quan rà soát, quy định giao Chi cục Bảo vệ môi trường Đà Nẵng thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành. Hàng năm, Sở TN-MT thành phố chủ trì, phối hợp với lực lượng Cảnh sát môi trường, các ban ngành liên quan xây dựng kế hoạch thanh tra môi trường, bảo đảm không chồng chéo, không gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, qua hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật kiểm soát nước thải tại thành phố Đà Nẵng còn nhiều tồn tại, hạn chế cần được quan tâm giải quyết.

#### *2.2.3.4. Thực tiễn thi hành các quy định về xử lý vi phạm ô nhiễm môi trường do nước thải tại thành phố Đà Nẵng*

Kết quả thực thi các quy định pháp luật về xử lý vi phạm làm ô nhiễm môi trường do nước thải tại Đà Nẵng những năm gần đây đã có những chuyển biến tích cực. Nhiều vụ vi phạm về ô nhiễm môi trường nước thải đã được xử lý, tuy nhiên hiệu quả công tác đấu tranh, phòng

ngừa và xử lý những vi phạm pháp luật môi trường còn chưa cao. Các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường tới người dân còn ít dẫn đến việc mặc dù nhiều tổ chức, các nhân vi phạm pháp luật môi trường trong một thời gian dài nhưng người dân không dám tố cáo với các cơ quan chức năng. Thêm vào đó, các cơ sở sản xuất công nghiệp lại nằm xen kẽ với khu dân cư hoặc gần khu vực đông dân cư ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của cộng đồng.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Qua thực trạng quy định pháp luật trong lĩnh vực nước thải và thực tiễn thi hành tại thành phố Đà Nẵng nói riêng, có thể thấy pháp luật về KSNT điều chỉnh 02 nội dung đó là quy định pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm đối với nguồn nước thải và quy định pháp luật về khắc phục ô nhiễm đối với nguồn nước thải. Qua đó đề cập đến 06 vấn đề chính bao gồm: vấn đề đánh giá tác động môi trường; Vấn đề xả thải đối với nước thải vào nguồn nước; Vấn đề thu gom, xử lý nước thải; Vấn đề về khắc phục ô nhiễm môi trường do nước thải; Vấn đề về thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về KSNT; Vấn đề về xử lý vi phạm. Luật BVMT 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành có những điểm mới tích cực, sửa đổi những tồn tại, hạn chế của Luật BVMT 2005, tạo khuôn khổ pháp lý, điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân làm kinh tế đồng thời đặc biệt chú trọng vào công tác ĐTM, công tác lên kế hoạch phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

### **Chương 3**

## **CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI**

### **3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về kiểm soát nước thải**

**3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát nước thải phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc của Luật Môi trường**

- Hoàn thiện pháp luật về KSNT phải tuân thủ nguyên tắc con người có quyền sống trong môi trường trong lành.

- Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát nước thải phải đảm bảo phát triển bền vững.

- Hoàn thiện pháp luật về KSNT phải đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và BVMT.

- Hoàn thiện pháp luật về KSNT phải đảm bảo coi trọng tính phòng ngừa.

### ***3.1.2. Hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường trong lĩnh vực kiểm soát nước thải đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật quốc gia***

Pháp luật về KSNT là một bộ phận của hệ thống pháp luật quốc gia, chịu sự chi phối lớn từ hệ thống pháp luật quốc gia. Do đó, pháp luật về KSNT chỉ có thể hoàn thiện khi mà có sự liên kết chặt chẽ, thống nhất giữa pháp luật nước thải và hệ thống pháp luật quốc gia. Pháp luật về KSNT là một bộ phận của pháp luật về môi trường nên hoàn thiện pháp luật về KSNT phải đảm bảo đồng bộ với pháp luật về môi trường.

### ***3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát nước thải phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế toàn cầu và hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường***

Hoạt động hợp tác quốc tế trong BVMT ngày càng trở nên quan trọng, cấp bách khi ÔNMT ngày càng trầm trọng. Vì vậy, để hoàn thiện hệ thống pháp luật KSNT của Việt Nam một cách tốt nhất, trọn vẹn nhất thì cần cần nhắc kỹ lưỡng việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật đảm bảo hoạt động hợp tác quốc tế. Do đó, hoàn thiện pháp luật về KSNT phải đảm bảo quá trình hội nhập kinh tế thế giới và hợp tác quốc tế để pháp luật KSNT không trở thành rào cản đối với các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiến hành các hoạt động với nước ngoài. Pháp luật phải là công cụ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển hơn.

## **3.2. Các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về kiểm soát nước thải**

### ***3.2.1. Hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật đánh giá tác động môi trường***

Luật BVMT 2014 có hiệu lực và đi vào thực tiễn hơn 03 năm nay nhưng quy chuẩn kỹ thuật về nước thải nói chung hầu như ít được bổ sung, sửa đổi sao cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Trong thời gian tới nhà nước cần ban hành các quy chuẩn về nước thải để



đáp ứng tình hình thực tiễn hiện nay và hoàn thiện quy định về ĐTM sao cho phù hợp với tình hình hiện nay.

### ***3.2.2. Hoàn thiện quy định pháp luật trong hoạt động vận hành hệ thống xử nước thải***

Theo quy định tại điều 16 Nghị định 18/2015 thì tổ chức, cá nhân muốn vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải phải thực báo cáo ĐTM, phải có kế hoạch vận hành thử nghiệm và thời gian thử nghiệm không quá 06 tháng. Do vậy quy định về vận hành thử nghiệm tạo ra các kẽ hở pháp lý để các tổ chức, cá nhân lợi dụng danh nghĩa vận hành thử nghiệm để xả thải trái phép hoặc vô tình làm ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước.

### ***3.2.3. Hoàn thiện các quy định về các quy định về thu gom, xử lý nước thải***

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ thì thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng; việc kéo dài thời gian vận hành thử nghiệm phải được sự chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do vậy, theo quy định không nêu trách nhiệm và hướng dẫn của Sở TN-MT sau khi nhận được kế hoạch vận hành thử nghiệm của doanh nghiệp. Tuy nhiên, để hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định, Sở TN-MT sẽ có văn bản trả lời đối với việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và hướng dẫn các thủ tục tiếp theo cho doanh nghiệp thực hiện.

### ***3.2.4. Hoàn thiện quy định pháp luật về khắc phục ô nhiễm môi trường đối với nguồn nước thải***

Về mặt thực thi cần chú trọng giải pháp phòng ngừa để các Khu công nghiệp không còn là tác nhân thải nước thải chưa được xử lý gây ÔNMT; Công tác quy hoạch phải được phân theo loại hình sản xuất để dễ dàng quản lý, nhất là thu gom nước thải, áp dụng công nghệ sản xuất, xây dựng hệ thống xử lý nước thải; nâng cao năng lực, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện cần thiết, bố trí nguồn kinh phí để duy trì thường xuyên các hoạt động giám sát nhằm phát hiện các trường hợp vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nước thải để xử lý kịp thời, thỏa đáng. Nên chú trọng giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước trong các thành phố đô thị lớn, trong đó bao gồm các nhóm giải pháp hỗ trợ quan trọng. Trước hết là thực hiện nhóm giải pháp phòng tránh các tác động xấu. Đây là giải pháp quan trọng giúp các cơ quan chức năng quyết định liệu có nên cấp phép cho dự án

của các tổ chức, cá nhân đó hay không, thông qua việc xem xét lựa chọn vị trí dự án tránh gây tổn thất cho các hệ sinh thái hoặc kinh tế - xã hội và lựa chọn công nghệ dự án thân thiện môi trường.

### ***3.2.5. Hoàn thiện quy định pháp luật về hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát***

Theo quy định pháp luật về hoạt động thanh tra thì cơ quan có thẩm quyền lập danh sách các tổ chức bị thanh tra vào tháng 06 hàng năm, tuy nhiên, dự toán kinh phí cho hoạt động thanh tra phải trình trong quý I. Trong thời gian tới, pháp luật phải có điều chỉnh để tạo ra sự thống nhất cho hoạt động thanh tra và đảm bảo chi ngân sách cho hoạt động này.

Cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 179/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về BVMT phù hợp với Luật BVMT 2014. Thường xuyên tập huấn, triển khai Luật BVMT 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan; đẩy mạnh công tác truyền thông về BVMT với hình thức và nội dung đa dạng, phong phú. Đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm soát môi trường có trọng tâm, trọng điểm, giải quyết dứt điểm những nội dung, vấn đề nóng, bức xúc về môi trường, thông qua đó cập nhật những quy định mới về BVMT, hướng dẫn cho các địa phương, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, thủ tục về môi trường, xử lý nghiêm các vi phạm gây ÔNMT.

### ***3.2.6. Hoàn thiện các quy định về khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước và hành vi pha loãng nước thải***

Vấn đề này được quy định trong Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT về quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước; Chính phủ cần ban hành văn bản cấp Nghị định điều chỉnh nội dung này và ban hành kèm các văn bản hướng dẫn chi tiết, dễ hiểu.

Hoàn thiện các quy định đối với hành vi pha loãng nước thải: Nghị định 155/2016 quy định xử phạt hành chính đối với hành vi pha loãng nước thải nhưng luật chưa đưa ra khái niệm thế nào là pha loãng nước thải, hành vi nào được coi là pha loãng nước thải.

## **3.3. Các giải pháp khác hoàn thiện hệ thống pháp luật**

Bên cạnh việc hoàn thiện quy định pháp luật, để BVMT trong lĩnh vực KSNT cần tiến hành nhiều hoạt động khác đi kèm.

- Tăng cường hợp tác quốc tế
- Tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật đồng thời giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho toàn cộng đồng

- Cần tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc có hiệu quả công tác giám sát môi trường, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm
- Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế chính sách về hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xử lý nước thải

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Pháp luật về KSNT ở Việt Nam hiện nay còn tồn tại một số hạn chế, bất cập trong quá trình thực thi. Do đó, trong thời gian tới cần phải có những hoạt động nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động xử lý nước thải nói chung và công tác quản lý trên lĩnh vực nước thải của cơ quan nhà nước,

Hoạt động hoàn thiện hệ thống pháp luật phải đảm bảo tuân theo định hướng, nguyên tắc nhất định. Quá trình hoàn thiện pháp luật phải đảm bảo không trái các nguyên tắc cơ bản của luật môi trường, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật quốc gia và phải đảm bảo quá trình hội nhập kinh tế, hợp tác quốc tế.

## KẾT LUẬN

Trong thời buổi hội nhập kinh tế thế giới, nền kinh tế nước ta phát triển nhanh một cách thần kỳ. Những con đường lớn, tòa nhà cao tầng, các khu đô thị, Khu công nghiệp mọc lên khắp nơi làm bộ mặt đất nước thay đổi hoàn toàn trong hơn chục năm trở lại đây. Vậy nhưng để đổi lại sự phát triển kinh tế nóng như vậy, chúng ta cũng phải đánh đổi lấy thiệt hại to lớn về môi trường. Sự ô nhiễm ở các khu đô thị và Khu công nghiệp ngày càng trầm trọng. Nước ở các con sông như sông Phú Lộc, bờ hồ Hàm Nghi, Hồ 02 ha... trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nước đen như mực, mùi hôi thối rất nồng, bao nhiêu hộ dân ven sông chịu cảnh sống chung với mùi quanh năm suốt tháng, năm này qua năm khác. Đảng và Nhà nước ta những năm vừa qua rất chú trọng hoạt động phát triển kinh tế, giao thương với nước ngoài, công tác BVMT vì nhiều nguyên nhân cũng được quan tâm chú trọng. Những năm vừa qua, nhiều văn bản luật trong lĩnh vực môi trường, đặc biệt là văn bản luật điều chỉnh các hoạt động trong lĩnh vực KSNT đã được ban hành và áp dụng vào thực tiễn. Song song với các biện pháp pháp lý là tăng cường cơ chế thực thi và các biện pháp kinh tế - xã hội. Vậy nhưng, một câu hỏi lớn vẫn đặt ra từ trước đến nay: Công tác áp dụng pháp luật hiệu quả đến đâu, văn bản pháp lý chuẩn mực đến đâu mà sau bao năm ban hành, áp dụng môi trường vẫn ô nhiễm, nước vẫn đen và bốc mùi, cá vẫn chết hàng loạt...

Quy định pháp luật về KSNT và cơ chế thực thi pháp luật tồn tại nhiều bất cập hạn chế là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng ô nhiễm nguồn nước như hiện nay. Vì vậy, tác giả lựa chọn đề tài: **“Pháp luật về kiểm soát nước thải, qua thực tiễn thi hành tại thành phố Đà Nẵng”** nhằm phân tích những bất cập đang tồn tại để từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật cũng như cơ chế thực thi của pháp luật để đáp ứng các yêu cầu và tình hình đất nước nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng.

Với những nội dung và giải pháp được đề xuất trong luận văn, tác giả tin tưởng công trình nghiên cứu này sẽ có tính ứng dụng trong công tác lập pháp, hành pháp và tư pháp đồng thời là một tài liệu hữu ích trong công tác nghiên cứu.